

Số/ No.: 20250708/KTGD/FUEKIV30-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 08, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

/To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Invest.

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ KIM GROWTH VN30 ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUEKIV30
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 07/07/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	1,900	4.15%
2	BCM	100	0.65%
3	BID	100	0.37%
4	BVH	100	0.55%
5	CTG	300	1.28%
6	FPT	700	8.57%
7	GAS	100	0.66%
8	GVR	200	0.59%
9	HDB	1,100	2.48%
10	HPG	4,000	9.30%
11	LPB	1,100	3.60%
12	MBB	1,300	3.38%
13	MSN	800	5.97%
14	MWG	1,000	6.63%
15	PLX	100	0.37%
16	SAB	100	0.46%
17	SHB	1,400	1.82%
18	SSB	800	1.48%
19	SSI	600	1.55%
20	STB	800	3.76%
21	TCB	1,800	6.29%
22	TPB	500	0.69%
23	VCB	400	2.34%
24	VHM	1,000	7.60%
25	VIB	900	1.66%
26	VIC	1,100	10.11%
27	VJC	300	2.69%
28	VNM	800	4.62%
29	VPB	1,600	3.00%
30	VRE	900	2.26%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	11,284,004	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

989,035,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)

1,000,319,004

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

11,284,004

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	21,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
2	BID	36,550	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BVH	54,900	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	MBB	26,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	07/07/2025	04/07/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/ Outstanding shares	202,400,000	202,400,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	10,080.00	10,000.00	80.00
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	2,024,645,664,275	2,014,530,912,740	10,114,751,535
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	1,000,319,004	995,321,597	4,997,407
của 1 CCQ/ per Share	10,003.19	9,953.21	49.98
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,508.66	1,488.77	19.89

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 06/07/2025

/ Item 5 is net asset value at 06/07/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 03/07/2025

/ Item 5 is net asset value at 03/07/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC